



Thứ hai, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Vietnam Daily Review

Hướng tới 1000 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/2/2019		•	
Tuần 25/2-1/3/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm trong phiên sáng, trong phiên chiều đã tăng giảm, chỉ số chỉ dừng ở mức tăng nhẹ.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+1.58 điểm); VNM (+1.38 điểm); MSN (+0.99 điểm); HPG (+0.61 điểm); NVL (+0.53 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-1.32 điểm); VIC (-0.97 điểm); VRE (-0.78 điểm); BVH (-0.36 điểm); SAB (-0.19 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành tài nguyên cơ bản và y tế, thanh khoản tăng nhẹ so với phiên ngày giao dịch hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 4,296.43 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 7.18 điểm. Thị trường có 181 mã tăng và 122 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 5.52 điểm, đóng cửa tại 994.43 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.79 điểm lên 107.61 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 126.69 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã MSN (68.54 tỷ), VCB (65.13 tỷ) và HPG (41.17 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã mua ròng 29.96 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng điểm do lực mua tập trung lớn ở nhóm blue-chips như VCB, VNM, MSN và HPG. Trong phiên chiều, đã tăng giảm, bởi lực bán lớn gia tăng, tập trung ở các mã cổ phiếu bất động sản như VHM, VIC và VRE. Khối ngoại mua ròng và thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Theo quan điểm của BSC, tâm lý thị trường vẫn tiếp tục lạc quan, thị trường tăng điểm nhẹ cùng với xu hướng của dòng vốn ngoại chảy vào thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư nên tiếp tục thận trọng quan sát những diễn biến kinh tế, chính trị thế giới và trong nước, đặc biệt là sự kiện công bố của FED vào thứ ba và thứ tư tuần này và việc tổng thống Trump chính thức gia hạn đánh thuế với 200 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc trong bối cảnh những tín hiệu về tăng trưởng kinh tế và chiến tranh thương mại vẫn chưa rõ ràng.

Phân tích kỹ thuật:

DHG_Bức phá thần tốc

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

994.43

Giá trị: 4296.43 tỷ

5.52 (0.56%)

Khối ngoại (ròng): 126.69 tỷ

HNX-INDEX

107.61

Giá trị: 499.45 tỷ

0.79 (0.74%)

Khối ngoại (ròng): 29.96 tỷ

UPCOM-INDEX

55.59

Giá trị: 318.9 tỷ

0.04 (0.07%)

Khối ngoại(ròng): 3.74 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.1	-0.33%
Giá vàng	1,329	0.04%
Tỷ giá USD/VND	23,217	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,312	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	20,981	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	68.5	VRE	53.2
VCB	65.1	VJC	37.2
HPG	41.2	VHM	29.9
SSI	39.4	DHG	28.2
GEX	37.2	CII	18.3

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Danh mục khuyến nghị

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

Khuyến cáo sử dụng

Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

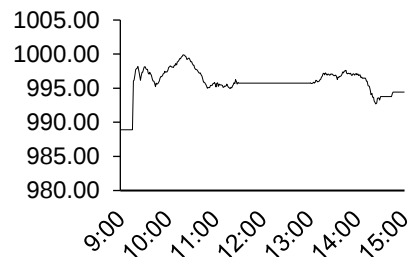
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VJC	6.1	124.5	118.59	117.50	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	3.2	116.3	110.03	98.80	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	1.7	100.0	96.48	86.40	MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	2.5	99.2	92.18	87.50	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHC	0.9	94.5	91.31	88.40	NGỪNG MUA	Xu hướng tăng giá trong dài hạn
VHM	3.4	92.0	77.60	77.50	MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	4.5	91.2	83.69	77.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
ACV	1.4	90.7	85.41	81.60	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PTB	0.4	62.0	58.97	57.30	MUA	Tăng giá kéo dài
NVL	1.9	59.8	57.08	55.80	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

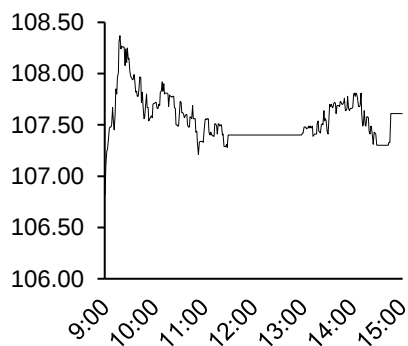
Phân tích kỹ thuật

DHG_Bức phá thần tốc

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: bức phá trong ngắn hạn và giữ xu hướng tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD tiếp tục tăng và ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng mua, xu hướng vận động tiến về vùng quá mua.
- Đường MA: tất cả các đường MA tiếp tục vận động hướng lên.

Nhận định: DHG vận động trên vùng hỗ trợ 99.42 (tương ứng với Fibonacci 61.8%) sau đã hồi phục từ vùng đáy 73.5 đầu năm 2019. Thanh khoản cổ phiếu bức phá mạnh và vượt mốc thanh khoản trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng tăng trong ngắn và trung hạn và chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu DHG tiếp tục tăng giá trong các phiên sau. Vận động các đường MA tiếp tục cho thấy đà hồi phục từ đầu năm sẽ tiếp tục được duy trì. Nếu cổ phiếu tiếp tục vận động trên ngưỡng 99.42, DHG có khả năng sẽ tiếp tục tiến về mốc 113.84 và tích lũy quanh vùng này trước khi vượt đỉnh tháng 6/2018..



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1902	908.9	0.0%	-56.7%
VN30F1903	937.0	1.9%	-8.6%
VN30F1906	933.0	412.9%	412.9%
VN30F1909	933.0	1.6%	-40.9%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	91	3.2	2.0
VNM	152	1.8	1.7
HPG	35	2.7	1.6
EIB	18	6.0	1.4
VJC	125	2.5	1.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	34	-3	-0.7
VHM	92	-1	-0.6
VIC	116	-1	-0.4
STB	13	-1	-0.4
SBT	20	-1	-0.1



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	35.60	8.9%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.50	23.0%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	62.00	-3.1%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	17.60	13.5%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	124.50	1.6%	112.7	140.9
Trung bình					10.6%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	1/3/2019	22.3	29.90	34.1%	21.2	26.8
Trung bình					34.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.8	3.2%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.4	5.1%	14.4	18.7
Trung bình					4.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	89.6	0.7%	0.7	1,726	5.0	6,696	13.4	4.4	49.0%	38.7%
PNJ	Bán lẻ	100.0	0.9%	1.0	726	1.7	5,874	17.0	4.5	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	94.9	-1.7%	1.3	2,892	0.8	1,519	62.5	4.5	24.8%	7.3%
PVI	Bảo hiểm	33.7	1.5%	0.7	339	0.2	2,230	15.1	1.1	43.9%	7.6%
VIC	Bất động sản	116.3	-0.6%	1.1	16,139	3.2	1,126	103.3	6.6	9.3%	8.0%
VRE	Bất động sản	33.9	-3.1%	1.1	3,432	5.1	1,033	32.8	2.8	31.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.8	2.4%	0.8	2,419	1.9	3,452	17.3	2.9	6.8%	20.1%
REE	Bất động sản	35.6	0.3%	1.1	480	1.4	5,754	6.2	1.2	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	24.8	1.2%	1.4	376	1.6	3,415	7.2	1.7	48.9%	26.7%
SSI	Chứng khoán	28.6	1.2%	1.3	633	4.1	2,611	11.0	1.6	58.0%	14.8%
VCI	Chứng khoán	41.4	3.5%	1.0	293	1.1	5,047	8.2	1.9	40.7%	24.7%
HCM	Chứng khoán	29.9	6.8%	1.5	281	1.2	2,650	11.3	2.5	60.7%	23.1%
FPT	Công nghệ	45.5	0.7%	0.9	1,214	2.0	3,902	11.7	2.2	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	51.0	0.0%	0.4	501	0.1	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	99.2	-0.1%	1.5	8,255	2.5	6,216	16.0	4.2	3.5%	27.8%
PLX	Dầu khí	58.6	0.2%	1.5	2,952	3.5	3,203	18.3	3.3	10.8%	18.1%
PVS	Dầu khí	20.7	2.0%	1.7	430	5.2	2,185	9.5	0.9	23.2%	9.5%
BSR	Dầu khí	14.2	0.7%	0.8	1,914	1.0	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
DHG	Dược	109.1	7.0%	0.6	620	6.8	4,448	24.5	4.5	46.3%	19.8%
DPM	Hóa chất	21.0	0.5%	0.7	357	0.5	1,551	13.5	1.0	23.2%	8.8%
DCM	Hóa chất	9.1	-0.3%	0.7	209	0.2	1,115	8.2	0.8	3.3%	9.5%
VCB	Ngân hàng	63.4	2.3%	1.3	10,224	5.7	4,070	15.6	3.6	23.4%	25.2%
BID	Ngân hàng	34.0	0.0%	1.6	5,054	2.5	2,152	15.8	2.3	3.1%	15.1%
CTG	Ngân hàng	21.3	0.9%	1.6	3,448	5.5	1,456	14.6	1.2	29.4%	8.3%
VPB	Ngân hàng	21.5	0.7%	1.2	2,297	2.4	3,025	7.1	1.5	23.2%	22.8%
MBB	Ngân hàng	22.5	-0.2%	1.2	2,109	4.9	2,829	7.9	1.5	20.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	31.0	1.6%	1.1	1,681	5.2	4,119	7.5	1.8	34.3%	27.7%
BMP	Nhựa	48.4	-1.2%	0.9	172	0.2	5,230	9.3	1.6	76.6%	17.5%
NTP	Nhựa	39.0	4.8%	0.3	151	0.0	3,715	10.5	1.5	22.6%	15.3%
MSR	Tài nguyên	19.0	-1.6%	1.2	743	0.0	229	83.0	1.5	2.1%	1.8%
HPG	Thép	34.8	2.7%	1.1	3,214	17.9	4,037	8.6	1.8	39.5%	23.6%
HSG	Thép	8.5	6.9%	1.6	143	3.1	355	24.0	0.6	15.7%	2.6%
VNM	Tiêu dùng	151.6	1.8%	0.7	11,478	8.0	5,294	28.6	10.2	59.7%	37.5%
SAB	Tiêu dùng	247.8	0.3%	0.8	6,909	0.3	6,334	39.1	10.6	9.8%	29.4%
MSN	Tiêu dùng	91.2	3.2%	1.2	4,612	4.5	4,578	19.9	3.6	42.1%	22.2%
SBT	Tiêu dùng	19.8	-1.2%	0.6	452	2.0	290	68.3	1.7	6.7%	2.8%
ACV	Vận tải	90.7	2.7%	0.8	8,585	1.4	1,883	48.2	7.2	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	124.5	2.5%	1.1	2,932	6.1	9,632	12.9	4.8	22.5%	42.6%
HVN	Vận tải	38.7	-1.0%	1.7	2,386	1.1	1,727	22.4	3.2	9.5%	14.6%
GMD	Vận tải	27.5	0.2%	0.8	355	0.6	6,153	4.5	1.4	49.0%	29.4%
PVT	Vận tải	17.1	-0.3%	0.7	209	0.2	2,281	7.5	1.2	33.3%	16.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.9	0.3%	1.0	436	0.3	6,057	10.6	3.7	2.5%	43.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.7	0.5%	0.9	404	1.9	1,254	16.5	1.5	24.9%	9.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	1.0%	0.8	257	0.3	1,690	9.2	1.1	5.9%	12.5%
CTD	Xây dựng	136.0	1.3%	0.8	446	0.4	18,357	7.4	1.3	46.6%	18.8%
VCG	Xây dựng	27.4	-0.4%	1.2	526	1.6	1,021	26.8	1.8	0.0%	7.5%
CII	Xây dựng	23.7	4.2%	0.5	255	2.8	334	70.8	1.2	52.9%	1.6%
POW	Điện	16.4	1.2%	0.6	1,670	1.3	716	22.9	1.6	15.4%	6.8%
NT2	Điện	29.0	2.8%	0.6	363	0.6	2,618	11.1	2.3	23.0%	17.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	63.40	2.26	1.58	2.08MLN
VNM	151.60	1.81	1.43	1.21MLN
MSN	91.20	3.17	0.99	1.14MLN
HPG	34.80	2.65	0.58	11.78MLN
VJC	124.50	2.47	0.50	1.13MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	31.00	1.64	0.62	3.87MLN
PVS	20.70	1.97	0.10	5.80MLN
NTP	39.00	4.84	0.05	7000.00
VGC	20.70	0.49	0.02	2.07MLN
PVX	1.20	9.09	0.02	1.32MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	92.00	-1.18	-1.12	838040.00
VRE	33.90	-3.14	-0.78	3.41MLN
VIC	116.30	-0.60	-0.68	624890.00
BVH	94.90	-1.66	-0.34	180880.00
STB	12.90	-1.15	-0.09	6.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	8.70	-1.14	-0.03	469400.00
NDN	11.90	-2.46	-0.01	182600.00
SHN	9.30	-1.06	-0.01	11300.00
VGS	11.50	-2.54	-0.01	36100.00
VNR	20.00	-3.85	-0.01	10500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
POM	8.88	6.99	0.04	20720.00
HAS	9.20	6.98	0.00	1010.00
HVG	5.68	6.97	0.03	216660.00
DPG	47.60	6.97	0.03	217180.00
DHG	109.10	6.96	0.28	1.43MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.60	20.00	0.00	60000.00
BII	0.80	14.29	0.00	258600.00
VIG	1.10	10.00	0.00	97900.00
L61	13.30	9.92	0.00	2000.00
BED	33.50	9.84	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHM	4.70	-6.93	0.00	166940.00
BTT	36.40	-6.79	-0.01	60.00
VNL	15.85	-6.76	0.00	10.00
UIC	32.20	-6.67	-0.01	40.00
TCT	58.00	-6.45	-0.02	5130.00

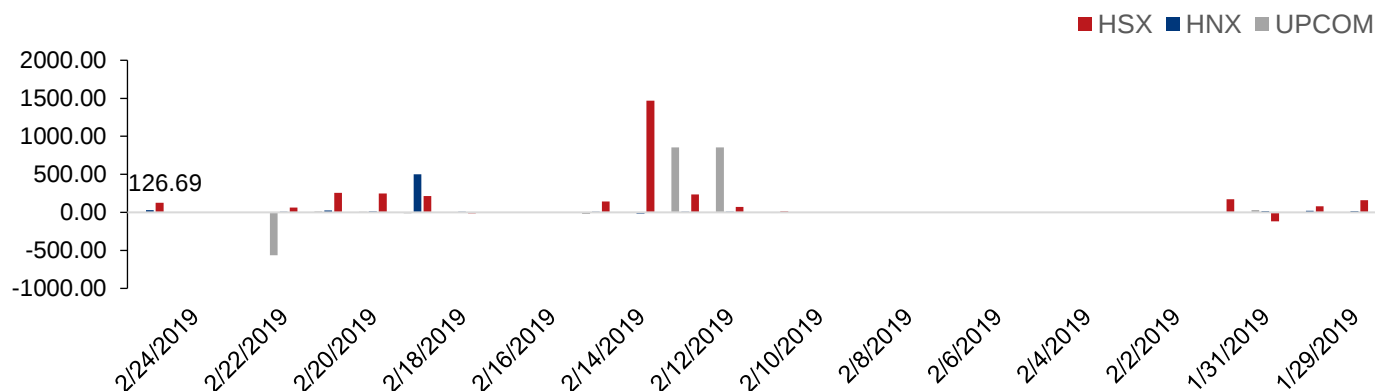
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	-12.50	0.00	4100.00
L18	9.10	-9.90	0.00	100.00
KST	15.70	-9.77	0.00	200.00
VIE	15.10	-9.58	0.00	1000.00
PCT	7.80	-9.30	-0.01	4000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	94.5	15,644	6.0	2.2	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	28.8	5,695	5.0	1.6	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	28.2	1,677	16.8	1.9	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	44.4	5,995	7.4	1.4	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.6	1,591	9.2	0.8	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	34.8	4,037	8.6	1.8	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.1	2,281	7.5	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	89.6	6,696	13.4	4.4	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	48.4	5,230	9.3	1.6	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	151.6	5,294	28.6	10.2	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	100.0	5,874	17.0	4.5	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	45.5	3,902	11.7	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	22.3	1,167	19.1	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	29.6	4,070	7.3	1.3	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	28.4	4,811	5.9	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	136.0	18,357	7.4	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	37.0	7,493	4.9	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	27.5	6,153	4.5	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.4	1,929	8.0	0.6	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	82.5	17,772	4.6	1.2	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cần trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

